

Số: *1287*/QĐ-UBND

TP. Bắc Kạn, ngày *19* tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/2/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trung tâm Y tế thành phố tại Tờ trình số 583/TTr-TTYT ngày 23/6/2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Bắc Kạn.

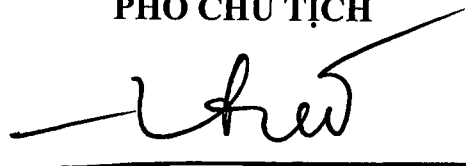
Điều 2. Giao Trung tâm Y tế thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành đoàn thể liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND - UBND; Giám đốc Trung tâm Y tế; thủ trưởng các phòng, ban, ngành đoàn thể thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử:
- Như Điều 3 (t/h);
- Sở Y tế;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- UB MTTQ và các hội, đoàn thể thành phố;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Huệ

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Bắc Kạn

*(Kèm theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 16/2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn)*

I. SỰ CẦN THIẾT

Kế hoạch hóa gia đình (KHHGD) là nỗ lực của nhà nước, xã hội để mỗi cá nhân, vợ chồng chủ động quyết định thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm bảo vệ sức khỏe, nuôi dạy con có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực xã hội và điều kiện sống của gia đình.

Tình trạng sinh con thứ 3 trở lên trên địa bàn thành phố Bắc Kạn ngày càng có chiều hướng gia tăng: năm 2015 có 2,8% số trẻ sinh ra trong năm là con thứ 3 trở lên; năm 2020 tỷ lệ này tăng lên là 9,01%.

Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại ngày càng giảm: năm 2015 là 70,6%, đến năm 2020 tỷ lệ này giảm xuống còn 59,8%.

Trên địa bàn thành phố việc cung ứng các phương tiện tránh thai (PTTT) chủ yếu là kênh tiếp thị xã hội và xã hội hóa. Hiện nay, việc cung cấp PTTT và dịch vụ KHHGD miễn phí chỉ cung ứng cho đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách nên về phạm vi đối tượng được cung cấp bị thu hẹp.

Từ nhu cầu thực tiễn, việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Bắc Kạn là cần thiết. Kế hoạch sẽ đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD, đảm bảo người dân được tiếp cận dịch vụ thuận tiện, xóa bỏ khác biệt giữa các vùng nhằm mang lại lợi ích cho người dân.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ, sức khỏe sinh sản đến năm 2030;

Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế về việc Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030;

Công văn số 7257/BYT-TCDS ngày 25/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030;

Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy Bắc Kạn thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

Đối tượng thụ hưởng: nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chú trọng vị thành niên, thanh niên.

Đối tượng tác động: người dân trong toàn xã hội; các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình.

2. Phạm vi thực hiện: trên phạm vi toàn thành phố.

IV. THỰC TRẠNG DỊCH VỤ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC KẠN

1. Những kết quả đạt được

Thời gian qua, nhờ có sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ của Nhân dân, thành phố Bắc Kạn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình và thực hiện kế hoạch giảm sinh trên cơ sở tăng tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, đáp ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGĐ. Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGĐ đã từng bước nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người sử dụng. Hệ thống cung ứng dịch vụ kế

hoạch hóa gia đình cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của chương trình KHHGD (kênh miễn phí; kênh tiếp thị xã hội, xã hội hóa); chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS) luôn được duy trì thực hiện.

Về quy mô dân số: năm 2015 dân số thành phố Bắc Kạn là 39.841 người; năm 2020 là 44.048 người, 5 năm tăng thêm 4.207 người (bình quân mỗi năm tăng 841 người); xu thế giảm sinh tiếp tục được duy trì, tỷ suất sinh thô giảm từ 17,02‰ năm 2015 đến năm 2020 còn 12,35‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 là 1,25%, năm 2020 là 0,79%.

2. Hạn chế tồn tại, nguyên nhân

2.1. Hạn chế tồn tại

Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên có xu hướng tăng: năm 2015 là 2,8% năm 2020 là 9,01% trong tổng số trẻ sinh.

Nhu cầu về dịch vụ KHHGD/CSSKSS của người dân vẫn còn cao song chưa được đáp ứng đầy đủ; công tác tiếp thị xã hội, xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD chưa được đẩy mạnh; một số phương tiện tránh thai chưa được cung ứng đầy đủ, kịp thời, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

2.2. Nguyên nhân

Cấp uỷ Đảng, chính quyền ở một số địa phương cơ sở còn có tư tưởng chủ quan với những kết quả đạt được mà chưa nhận thức đầy đủ về tính chất lâu dài, khó khăn phức tạp, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác DS - KHHGD. Sự phối hợp của một số cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong tổ chức thực hiện công tác DS/KHHGD/SKSS chưa được thường xuyên, chưa chặt chẽ.

92/117 thôn bản, tổ dân phố trên địa bàn thành phố hiện nay đội ngũ y tế kiêm cộng tác viên dân số không hoạt động (do không có phụ cấp).

Một số các đơn vị y tế chưa quan tâm đúng mức đến công tác tiếp thị xã hội, xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD trên địa bàn đơn vị quản lý.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu: nhằm đáp ứng đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch vụ KHHGD đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Chiến lược dân số đến năm 2030.

2. Các chỉ tiêu

a) 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 67,5% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030;

b) 2/2 xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố vào năm 2025, đạt 100% năm 2030;

c) 6/8 trạm y tế đủ khả năng cung cấp các biện pháp tránh thai như đặt dụng cụ tử cung, cấy thuốc tránh thai theo quy định vào năm 2025, đạt 8/8 vào năm 2030;

d) 8/8 xã, phường thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD; sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD tại địa phương

- Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện chương trình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.

- Liên tục cập nhật các quy trình chuyên môn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế; thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD.

- Xây dựng hệ thống: chỉ báo thống kê, giám sát; thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử quản lý chương trình.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông đảm bảo chất lượng, đổi mới về hình thức và nội dung. Cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp với địa phương, ưu tiên tuyên cơ sở. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại như mạng xã hội, Internet.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Thường xuyên cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD.

- Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ KHHGD

- Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD; ưu tiên đầu tư cho vùng khó khăn. Nâng cấp cơ sở vật chất; rà soát, bổ sung trang thiết bị, cung ứng phương tiện tránh thai và các sản phẩm, hàng hóa sức khỏe sinh sản để đảm bảo các cơ sở y tế trên địa bàn đủ năng lực thực hiện dịch vụ KHHGD theo quy định của Bộ Y tế.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập. Ứng dụng công nghệ thông tin trong

cung cấp dịch vụ KHHGD. Thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng và mở rộng mô hình tư vấn và cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS thân thiện cho vị thành niên, thanh niên.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS). Đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ thống kê báo cáo về dịch vụ KHHGD.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế theo phân tuyến kỹ thuật trên cơ sở tăng cường đào tạo, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ KHHGD, thực hiện biện pháp tránh thai; tăng cường hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dịch vụ KHHGD từ tuyến trên cho tuyến dưới, chú trọng hỗ trợ cho các Trạm Y tế.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác KHHGD; kiểm tra các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD. Phối hợp liên ngành tăng cường kiểm soát chất lượng trong quá trình phân phối và lưu hành phương tiện tránh thai trên thị trường.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện kế hoạch

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ KHHGD, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia kế hoạch; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao, ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Hàng năm, trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể, Trung tâm Y tế thành phố xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí trình UBND thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí đảm bảo cho các hoạt động của kế hoạch. Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tại địa phương.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế

Là cơ quan thường trực, tham mưu cho UBND thành phố chỉ đạo thực hiện kế hoạch trên địa bàn thành phố Bắc Kạn; chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch. Chỉ đạo các Trạm Y tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai, thực hiện các hoạt động góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của kế hoạch.

Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng hợp việc thực hiện kế hoạch báo cáo UBND thành phố theo quy định.

2. Trung tâm Văn hóa - Thông tin & thể thao thành phố

Phối hợp với Trung tâm Y tế đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Trung tâm Y tế và các phòng, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, tham mưu cho UBND thành phố hỗ trợ kinh phí hằng năm để thực hiện các nội dung của kế hoạch:

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030 và lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án khác ở địa phương.

Tạo điều kiện thuận lợi và ban hành theo thẩm quyền về hỗ trợ, khuyến khích thực hiện KHHGD, bố trí kinh phí, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể thành phố: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham gia tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong đơn vị; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát việc thực hiện chương trình.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD trên địa bàn thành phố Bắc Kạn đến năm 2030; đề nghị các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố; UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện./.